

THÔNG TIN CHUYÊN ĐỀ:

KỶ NIỆM 250 NĂM NGÀY SINH ĐẠI THÍ HÀO NGUYỄN DU (1765-2015) DANH NHÂN VĂN HÓA THẾ GIỚI

Quá trình vinh danh Đại thi hào Nguyễn Du là danh nhân văn hóa thế giới

Nguyễn Du, tự Tố Như, hiệu Thanh Hiên, sinh năm 1765 tại phường Bích Câu, Thăng Long trong một dòng họ khoa bảng nổi tiếng bậc nhất thời bấy giờ ở xứ Nghệ. Bố ông là Xuân quận công Nguyễn Nghiễm từng giữ chức Tể tướng đầu triều; mẹ là bà Trần Thị Tần, cũng sinh trưởng trong một dòng họ có truyền thống hiếu học ở Kinh Bắc. Sinh ra và học hành ở kinh đô, Nguyễn Du sớm được thừa hưởng những tinh túy của nhiều vùng văn hoá nổi tiếng: xứ Nghệ, Kinh Bắc, Thăng Long, Phú Xuân, Gia Định... Sống trong một thời đại đầy phong ba bão táp, cuộc đời của Nguyễn Du cũng vì thế mà ba chìm bảy nổi. Mười một tuổi mồ côi cha, mười ba tuổi mẹ chết, ông phải sống ở nhà anh cả Nguyễn Khản. Do tình hình đất nước biến động, chính quyền Lê – Trịnh sụp đổ, Tây Sơn quét sạch giặc Thanh, họ Nguyễn ở Tiên Điền cũng tiêu điều “Hồng Lĩnh vô gia, huỳnh đệ tán”. Ông phải lưu lạc nhiều nơi, một thời kỳ dài nương nhờ quê vợ ở Thái Bình, cuối cùng đành trở về quê nhà tìm kế mưu sinh. Sau khi Gia Long lên ngôi, Nguyễn Du trở lại chốn quan trường. 18 năm làm quan cho triều Nguyễn nhưng cũng hơn 3 lần ông xin cáo quan về quê, khi thì lấy cớ dưỡng bệnh, lúc lại bận việc nhà... Và trong một đợt dịch tả vào năm Minh Mệnh nguyên niên, ông bị nhiễm bệnh rồi mất tại kinh thành Huế khi đang ở độ tuổi 55.



Khu di tích Nguyễn Du

Truyền thống của dòng họ, quê hương, sự giao thoa của các vùng văn hoá, phong ba bão táp của thời đại cùng với tư chất thông minh đã góp phần tạo nên một thi hào Nguyễn Du với lòng thương người sâu sắc. Đó cũng là mạch nguồn tạo nên các tác phẩm văn học kiệt xuất như 3 tập thơ chữ Hán: Thanh Hiên thi tập, Nam trung tạp ngâm, Bắc hành tạp lục; các tác phẩm thơ Nôm: Văn tế thập loại chúng sinh, Văn tế sống Trường Lưu nhị nữ, Thác lời trai phường

nón và đặc biệt nhất là Truyện Kiều – trở thành đỉnh cao của văn học cổ điển Việt Nam. Truyện Kiều đã làm phong phú cho nền văn học nghệ thuật nước nhà. Ca nhạc dân gian có giọng "lấy Kiều". Sân khấu dân gian có "trò Kiều". Hội họa có nhiều tranh Kiều. Thơ vịnh Kiều nhiều không kể xiết. Tuồng Kiều, phim Kiều xuất hiện. Điều quan trọng Truyện Kiều thấm sâu vào đời sống của người dân Việt. Tiếng nói hằng ngày của nhân dân có thêm nhiều thành ngữ rút từ Truyện Kiều. Kiều đi vào mọi ngõ đường sinh hoạt "Từ án sách đến bờ tre, xưởng máy; Ra chiến trường vẫn thấy tiếng Kiều ngân". Hiện tại, Truyện Kiều vẫn đang là đỉnh cao của văn hoá dân tộc, có sức thu hút, lay động sâu sắc nhất đối với nhiều thế hệ, các tầng lớp nhân dân, có tầm ảnh hưởng, phổ biến rộng rãi nhất đối với bạn bè thế giới.

Từ trước đến nay, nhiều người vẫn nghĩ, vẫn viết, vẫn nói và vẫn khẳng định Nguyễn Du đã được Tổ chức Văn hóa, Khoa học và Giáo dục của Liên hợp quốc (UNESCO) vinh danh là Danh nhân văn hóa thế giới nhưng sự thực

không phải như vậy. Năm 1965, trong hoàn cảnh đất nước còn chia cắt, chiến tranh hết sức ác liệt, nhưng cùng với quyết nghị kỷ niệm 200 năm ngày sinh Nguyễn Du của Hội đồng Hoà bình thế giới, Đảng và Nhà nước ta đã chỉ đạo tổ chức kỷ niệm ngày sinh của Đại thi hào một cách trọng thể, rộng khắp, đặc biệt là ở quê hương Hà Tĩnh, Nghệ An. Đó là một dấu mốc lớn trong việc nghiên cứu, đánh giá, khẳng định, tôn vinh Nguyễn Du và Truyện Kiều, đồng thời thể hiện sự tôn kính, ngưỡng vọng và tình cảm thiêng liêng của nhân dân Việt Nam đối với danh nhân đất nước. Trong những năm gần đây, với sự nỗ lực của các tổ chức và cá nhân, nhiều tài liệu quý liên quan đến tác phẩm của Nguyễn Du và dòng họ Nguyễn Tiên Điền đã tiếp tục được phát hiện, sưu tầm, nghiên cứu. Tác phẩm Truyện Kiều đã được dịch ra hơn 30 thứ tiếng, có rất nhiều văn nghệ sĩ trong và ngoài nước đã chuyển thể sinh động tác phẩm này sang nhiều loại hình nghệ thuật khác nhau, góp phần quan trọng vào việc bảo tồn, phát huy, quảng bá các di sản văn hoá của dân tộc.

Đến năm 2012, TS Phan Tử Phùng – thành viên của Ban vận động UNESCO vinh danh Nguyễn Du tiến hành làm các thủ tục theo các tiêu chí và các bước thời gian đã quy định của UNESCO. Đó là Danh nhân được vinh danh phải theo bước tuổi 50 năm của năm sinh hoặc năm mất (100, 150, 200, 250, 300...), việc đề xuất vinh danh Danh nhân văn hóa của mỗi nước phải có hồ sơ khoa học, đơn đề nghị cùng Công hàm của Chính phủ của nước ấy. Bước thời gian thực hiện theo đúng quy định chặt chẽ. Cụ thể, để vinh danh các Danh nhân trong năm 2014 – 2015 thì hồ sơ khoa học của Danh nhân kèm theo đơn đề nghị của Công hàm Chính phủ nước đó phải gửi đến Ban thư ký UNESCO ở Pari trước tháng 1 năm 2013 để Ban thư ký xem xét, thẩm tra đưa trình Hội đồng chấp hành xét duyệt trong tháng 4 năm 2013. Hội đồng chấp hành họp nghiên cứu, thảo luận ra Nghị quyết thông qua danh sách các Danh nhân văn hóa thế giới được vinh danh. Để việc vinh danh Nguyễn Du có thể thực hiện đúng lộ trình thì trong tháng 12/2012, Ban vận động UNESCO của Việt Nam phải nộp hồ sơ khoa học kèm theo văn bản đề xuất vinh danh Nguyễn Du của một cơ quan hoặc tổ chức có thẩm quyền của nhà nước để Chính phủ cấp Công hàm. Nếu hồ sơ đầy đủ thì UNESCO sẽ vinh danh trong năm 2014. Nếu không có đủ hồ sơ theo quy định thì việc đề nghị vinh danh sẽ phải chờ thêm 50 năm nữa, đến kỳ kỷ niệm 300 năm ngày sinh của cụ.

Vì vậy, TS Phan Tử Phùng đã kịp thời triển khai các thủ tục. Tháng 11/2012, hồ sơ khoa học vinh danh Nguyễn Du viết bằng ngoại ngữ đã nộp ở Ban UNESCO Việt Nam, còn thủ tục xin Công hàm thì chưa hoàn thiện. Trước

hạn định cuối cùng, hồ sơ xin vinh danh Nguyễn Du cùng Công hàm của Chính phủ mới được UNESCO Việt Nam gửi bằng hộp thư điện tử qua Pari. Cuối tháng 4/2013, Hồ sơ khoa học đề nghị vinh danh Nguyễn Du được đánh giá cao và đã lọt vào danh sách 93 danh nhân được vinh danh đợt 2014 – 2015 theo Quyết định 191EX/32. Hồ sơ khoa học của Việt Nam đã nêu bật được những điểm nổi bật về các giá trị cống hiến của Nguyễn Du đối với nền văn hóa Việt. Thứ nhất đó là lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc để Nguyễn Du dũng cảm vượt qua rào cản nặng nề của Hán văn để lần đầu tiên đưa Tiếng Việt trở thành ngôn ngữ văn học chính thống của quốc gia. Thứ hai, đó là tư duy độc lập sáng tạo của Nguyễn Du, với tài năng xuất chúng của mình đã sáng tác ra một tác phẩm kinh điển là Truyện Kiều. Thứ ba, đó là phương pháp luận khoa học của Nguyễn Du trong diễn đạt tiếng Việt, đưa ngôn ngữ Việt lên bậc một ngôn ngữ văn học hiện đại, một ngôn ngữ trau chuốt nhưng giản dị, dân dã dễ hiểu mà tao nhã văn chương.

Đến tháng 8/2013, Hội đồng chấp hành UNESCO ra Quyết định 192 EX/32 bổ sung thêm 15 Danh nhân, nâng tổng số các Danh nhân được vinh danh lên thành 108 người. Ngày 25/10/2013, Đại Hội đồng UNESCO đã thông qua Nghị quyết 37C/15 phê chuẩn Quyết định số 191EX/32 và 192EX/32, nhất trí biểu quyết vinh danh 108 Danh nhân văn hóa thế giới trong đó có Đại thi hào Nguyễn Du. Nghị quyết 37C/15 đã thông qua nội dung quan trọng đó là UNESCO sẽ tham gia vào việc tổ chức các lễ kỷ niệm 108 Danh nhân văn hóa thế giới trong năm 2014-2015. Theo đó, Lễ kỷ niệm 250 năm ngày sinh Đại thi hào Nguyễn Du (1765 – 2015) của Việt Nam sẽ được tổ chức trong năm 2015. UBND tỉnh Hà Tĩnh xây dựng dự thảo kế hoạch kỷ niệm, nhiều hoạt động sôi nổi sẽ được tổ chức. Bao gồm các hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế; xuất bản các ấn phẩm liên quan đến Truyện Kiều và Nguyễn Du; xây dựng các phóng sự về cuộc đời, sự nghiệp Nguyễn Du và dòng họ Nguyễn Tiên Điền. Đồng thời, sẽ tổ chức các cuộc thi ngâm Kiều, lấy Kiều, bình Kiều, nói chuyện về tác phẩm của Nguyễn Du. Tổ chức Tuần Văn hóa – Du lịch Nguyễn Du tại Hà Tĩnh và một số tỉnh, thành phố: Hà Nội, Bắc Ninh, Nghệ An, Thành phố Hồ Chí Minh...

Việc Đại thi hào Nguyễn Du được vinh danh Danh nhân văn hóa thế giới là một niềm vinh dự, một niềm tự hào lớn của Việt Nam. Hiện nay, Hà Tĩnh đang tích cực chuẩn bị các hoạt động nhằm tổ chức Lễ kỷ niệm 250 năm ngày sinh của Đại thi hào Nguyễn Du long trọng, xứng tầm với những cống hiến của cụ đối với nền văn hóa Việt.

Nguyễn Du - cây tùng thanh cao trước sóng gió cuộc đời

(Baohatinh.vn) - Sinh phải thời loạn lạc, lớn lên gặp buổi gian nan, mới hơn 10 tuổi đầu đã chịu cảnh mồ côi cha mẹ, Nguyễn Du phải đứng giữa giông tố cuộc đời trong một giai đoạn lịch sử nhiều biến động. Đó là bi kịch của đời ông. Với phẩm hạnh của một cây tùng thanh cao và tài năng kiệt xuất, ông đã mang đến cho nền văn học Việt Nam một kiệt tác Truyện Kiều bất hủ.

Những tháng năm gió bụi: Nguyễn Du sinh năm Ất Dậu (1765) tại phường Bích Câu, thành Thăng Long (Hà Nội). Lúc bấy giờ, cha là Nguyễn Nghiễm đang làm tể tướng. Mẹ ông là bà Trần Thị Tần - con gái thứ ba của một vị quan nhỏ coi việc sổ sách kế toán dưới trướng Nguyễn Nghiễm, người xã Hoa Thiều, huyện Đông Ngàn, tỉnh Bắc Ninh. Bà là một phụ nữ nét na, thông minh và xinh đẹp, lại là con gái vùng Kinh Bắc nên có nhiều ảnh hưởng đến tâm hồn Nguyễn Du từ những ngày thơ bé. Theo gia phả của dòng họ Nguyễn Tiên Điền, lên 3 tuổi, Nguyễn Du được tập ẩm (phong hàm do cha làm quan cao cấp) là Hoàng Tín Đại phu, xuất thân là Thành Môn Vệ Úy, tước Thu Nhạc bá. Với cái hàm ấy, mặc dù chưa phải là một vị quan tại chức nhưng Nguyễn Du đã đứng trong hàng sĩ tịch của triều đình nhà Lê. Năm Tân Mão (1771), Nguyễn Nghiễm thôi chức tể tướng, về trí sĩ ở quê nhà, Nguyễn Du theo cha về quê. Tại bến Giang Đình, ông được chứng kiến cảnh vinh hoa của gia đình mình. Người dân Nghi Xuân hồi đó làm thơ tả cảnh nhà ông như sau:

*Trèo lên Hồng Lĩnh mà trông
Nhìn về đã thấy dinh ông rõ ràng
Lâu đài dãy dọc tòa ngang
Ông ngồi đọc sách nghiêm trang một mình.*

Năm Bính Thân (1776), Nguyễn Nghiễm mất, 2 năm sau, bà Trần Thị Tần

cũng lâm bệnh rồi qua đời. Từ đó, Nguyễn Du phải đến ở nhà anh trai cả Nguyễn Khản.

Sau sự kiện kiêu binh nổi loạn năm 1780, Nguyễn Khản đang làm Trấn thủ Sơn Tây bị khép tội mưu loạn trong vụ án năm Canh Tý, bị bãi chức và giam cầm. Lúc này, Nguyễn Du được một người thân của Nguyễn Nghiễm đón về Sơn Nam Hạ nuôi ăn học. Năm 1783, Nguyễn Du cưới bà Đoàn Thị Huệ, con gái Đoàn Nguyễn Thục - Ngự sử tại triều, người xã An Hải, huyện Quỳnh Côi, trấn Sơn Nam (nay là tỉnh Thái Bình). Năm Đinh Mùi (1787), Tây Sơn tiến quân ra Bắc lấy Bắc Hà, Lê Chiêu Thống chạy sang Trung Quốc, Nguyễn Du không kịp theo vua, phải chạy về trốn ở quê vợ tại Thái Bình.



Du khách tham quan phòng trưng bày tại Khu lưu niệm Nguyễn Du.

Mười năm lưu lạc, ăn nhờ ở đậu quê vợ là những năm tháng cô đơn cùng cực của Nguyễn Du, đói không cơm ăn, rét không có áo mặc. Ông gọi quãng thời gian này là “Mười năm gió bụi” (Thập tải phong trần). Thường ngày, ông làm thơ than thở về cảnh ngộ của mình khi chưa làm nên danh vọng gì đã rơi vào cảnh khốn cùng. Ông suy nghĩ nhiều về cuộc đời và thảm cảnh mà gia đình ông phải gánh chịu, nên mới 30 tuổi mà tóc đã bạc trắng. Ông đã giải bày nỗi niềm của mình trong bài “U cư”:

Mười năm trợn quê người nấn ná

Nương quê người tóc đã điểm sương.

Hơn 10 năm chìm nổi long đong ở đất Bắc cũng là quãng thời gian Nguyễn Du sống gần gũi với nhân dân và thấm thía bao nỗi ấm lạnh của kiếp người, đặc biệt là người dân lao động, phụ nữ, trẻ em, cầm ca, ăn mày... Những gì Nguyễn Du chứng kiến đã gieo vào tâm hồn ông những trải nghiệm quý báu trong tư tưởng cũng như tình cảm. Và ở một phương diện nào đó, có thể nói, chính nỗi bất hạnh lớn trong cuộc đời đã hun đúc nên thiên tài Nguyễn Du.

Từ “**Hồng Sơn liệt bộ**” đến **Đại thi hào**:

Thời kỳ ở nhờ quê vợ, sau khi Đoàn Nguyễn Thục mất, con trai lớn cũng mất, Nguyễn Du đành đưa người con trai còn lại là Nguyễn Tứ về quê cha đất tổ ở Tiên Điền. Trở lại quê, nhà cửa tan hoang, anh em lưu tán, ông đã phải thốt lên: “**Hồng Lĩnh vô gia, huynh đệ tán**” (trở về Hồng Lĩnh gia đình không còn, anh em lưu lạc khắp nơi). Tuy vậy, ở Tiên Điền, lúc này, họ hàng thân thuộc, con cháu nhiều, Nguyễn Du được bà con gia tộc chia cho mảnh đất ở thôn Thuận Mỹ làm nhà ở.



Đường về Tiên Điền

Do được sinh ra và sống trong hoàn cảnh nhung lụa của một gia đình quý tộc nên khi về quê, Nguyễn Du chẳng biết làm gì ngoài đọc sách vở thánh hiền. Để khuây khỏa, ông thường cùng trai làng Tiên Điền lên núi Hồng Lĩnh săn hươu, nai, chồn, xạ hương... và xuống sông Lam bắt cá. Ông tự đặt cho mình biệt

hiệu “**Hồng Sơn liệt bộ**” (Phường săn núi Hồng) và “**Nam Hải điều đồ**” (Nhà chài bể Nam). Chính quãng thời gian này, ông được tiếp xúc với những nét đẹp trong văn hóa truyền thống xứ Nghệ, trong đó, ảnh hưởng nhiều nhất đến tâm hồn và sáng tác của ông là dân ca ví, giặm.

Dưới triều Nguyễn, Nguyễn Du nhiều lần được vời ra làm quan giúp nước nhưng tư tưởng Nguyễn Du thời kỳ này khá phức tạp, nhiều mâu thuẫn. Ông vừa muốn trung thành với nhà Lê, vừa không hợp tác với nhà Tây Sơn, lại bất đắc dĩ phải làm quan cho nhà Nguyễn nên dù được giữ chức cũng không mặn mà với công việc. Thời gian làm quan cho nhà Nguyễn, Nguyễn Du sống trầm lặng, ít nói, có nhiều tâm sự không biết tỏ cùng ai.

Là một người có hoài bão nhưng cuộc đời hết gió bụi lại rơi và cảnh buồn chán, Nguyễn Du coi mọi chuyện đều là hão huyền nhưng lại rơi lệ trước những cuộc bể dâu. Từ một cậu ấm, Nguyễn Du đã phải đối mặt với giông tố cuộc đời trong một giai đoạn lịch sử đầy biến động. Chứng kiến những nhiễu nhương của thời cuộc, với tài năng văn chương thiên bẩm, kiến thức uyên thâm, Nguyễn Du đã sáng tác nên những tác phẩm có khuynh hướng hiện thực sâu sắc. Và sự đồng cảm, nỗi “**đau đớn lòng**” với những thân phận “**dưới đáy**” xã hội đã khiến những tác phẩm của Nguyễn Du chứa đựng giá trị nhân đạo cao cả. Chính trên cơ sở này mà trong thơ Nguyễn Du luôn luôn vang lên âm thanh, bừng lên màu sắc của sự sống, hằn lên những đường nét sắc cạnh của một bức tranh hiện thực đa dạng.

Và giữa những âm thanh, màu sắc, đường nét vô cùng phong phú đó, Nguyễn Du hiện ra: vừa dạt dào yêu thương, vừa bừng bừng căm giận. Từ thơ chữ Hán đến Truyện Kiều đều thể hiện rõ một sức sống kỳ lạ. Và cũng chính điều đó đã khiến Nguyễn Du từ chỗ chỉ là một cậu ấm trở thành một đại thi hào lừng lẫy.

Đại thi hào Nguyễn Du - Di sản và giá trị xuyên thời gian

GiadinhNet – Ngoài việc khẳng định, tôn vinh tài năng và những đóng góp to lớn của Đại thi hào Nguyễn Du đối với nền văn học, văn hóa Việt Nam, Hội thảo còn là dịp mở rộng giao lưu, quảng bá các giá trị tinh hoa của văn học cổ điển Việt Nam đến bạn bè quốc tế.

Nhân kỉ niệm 250 năm ngày sinh Đại thi hào Nguyễn Du (1765-2015), Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã tổ chức Hội thảo quốc tế “Đại thi hào dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới Nguyễn Du: Di sản và các giá trị xuyên thời đại”.



Toàn cảnh Hội thảo quốc tế kỉ niệm 250 năm ngày sinh Đại thi hào Nguyễn Du

Tham dự hội thảo có đồng chí Đinh Thế Huynh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Trưởng ban Tuyên giáo Trung ương; đại diện các cơ quan, ban ngành của Đảng, Nhà nước, các nhà khoa học, chuyên gia trong lĩnh vực văn học – nghệ thuật và đông đảo các khách mời quốc tế.

Phát biểu tại hội thảo, GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam nhấn mạnh: “Trong suốt hơn hai trăm năm qua, vượt qua không gian và thời gian, tên tuổi Nguyễn Du ngày càng tỏa sáng, lan xa từ Việt Nam đến nhiều quốc gia, châu lục trên khắp thế giới. Vào năm 1965, Hội đồng Hòa bình thế giới và Việt Nam đã long trọng tổ chức kỉ niệm Nguyễn Du nhân 200 năm ngày sinh của ông. Từ đó đến nay, vừa tròn nửa thế kỷ qua đi, kiệt tác Truyện Kiều của Nguyễn Du vẫn tiếp tục được dịch, nghiên cứu, giảng dạy, giới thiệu và quảng bá rộng rãi ở Việt Nam và nhiều nước trên thế giới”.

Bày tỏ lòng tự hào về Đại thi hào Nguyễn Du, đồng chí Võ Kim Cự, Bí thư tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Hà Tĩnh chia sẻ: “Dưới ngòi bút tài hoa, Nguyễn Du đã để lại cho hậu thế những tác phẩm như: “Thanh Hiên thi tập”, “Nam trung tạp ngâm”, “Bắc hành tạp lục”, “Văn tế sống hai cô gái Trường Lưu” và đỉnh cao là kiệt tác “Truyện Kiều”. Với trái tim nhân hậu, Tố Như đã đề nói về nỗi đau của những kiếp

người, phê phán các thế lực phong kiến tàn bạo, ca ngợi tình yêu, thể hiện niềm khát khao vươn tới công lý và cái đẹp vĩnh hằng”.

Hội thảo tập trung vào hai chủ đề lớn, thảo luận ở hai tiểu ban. Một là, Cuộc đời, di sản của Nguyễn Du – nhìn từ trong và ngoài quốc gia. Hai là, Truyện Kiều – những phương thức diễn dịch và chuyển hóa.

Tại tiểu ban 1, các nhà khoa học, các chuyên gia đã tập trung thảo luận về các vấn đề chính như hành trình sáng tạo của Nguyễn Du; Vấn đề nhận thức thực tại và nỗ lực giải ảo Trung Hoa; Sự phong phú trong tư tưởng của Nguyễn Du.



Các đại biểu tại tiểu ban 1 tập trung thảo luận xoay quanh chủ đề “Cuộc đời, di sản của Nguyễn Du - nhìn từ trong và ngoài quốc gia

Vấn đề văn bản học Truyện Kiều; Vấn đề phổ cập, tiếp nhận và chuyển ngữ, chuyển thể Truyện Kiều; Giá trị kiệt tác Truyện Kiều và những diễn giải hiện đại; Mối quan hệ giữa Nguyễn Du và quê hương Hà Tĩnh là bốn vấn đề cơ bản được các đại biểu đưa ra thảo luận tại tiểu ban 2.

Tại tiểu ban này, GS. Triệu Ngọc Lan (Đại học Bắc Kinh, Trung Quốc) đã trình bày bản tham luận với nhan đề: “Truyện Kiều – Tác phẩm kinh điển của sự hòa quyện văn hóa Việt – Trung”. Bà Lan cho biết: “Xuất phát từ sự tôn sùng và cảm phục đối với Đại thi hào Nguyễn Du, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu Truyện Kiều một cách khá sâu sắc. Hiện nay, thành quả dịch thuật và nghiên cứu của chúng tôi là sách “Kim Vân Kiều truyện – Dịch thuật và nghiên cứu” đã ra mắt bạn đọc.

Nội dung tham luận của bà Lan bao gồm: Chiều sâu về vốn liếng văn học, văn hóa Trung Quốc của Nguyễn Du; Trong “Truyện Kiều”, Nguyễn Du đã phát huy đến đỉnh điểm công sức sáng tạo giữa sự “đúc rút” và “hấp thụ”; Sức sống mạnh mẽ của “Truyện Kiều” còn bắt nguồn từ nền thổ nhưỡng của văn hóa dân tộc.

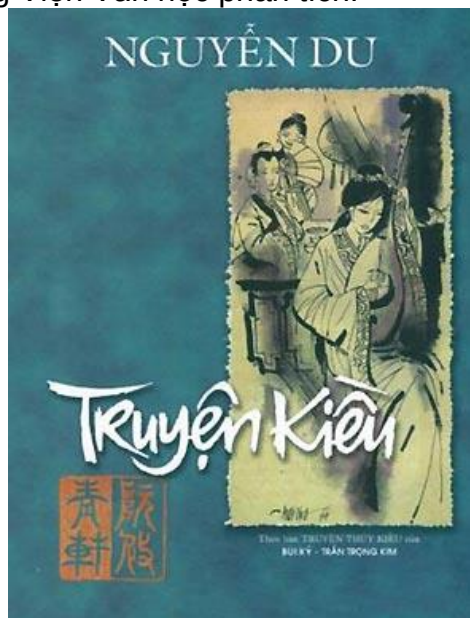
Mai Thùy/ Báo Gia đình & Xã hội

NGUYỄN DU – MỘT BIỂU TƯỢNG VĂN HÓA VIỆT

 "Cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Du hội tụ đầy đủ những giá trị, yếu tố để trở thành một biểu tượng văn hóa của Việt Nam", PGS, TS Nguyễn Đăng Điệp - Viện trưởng Viện Văn học phát biểu.

Phát biểu tại buổi họp báo về việc tổ chức hội thảo quốc tế nhân kỷ niệm 250 năm sinh đại thi hào Nguyễn Du (1765-2015) diễn ra sáng 6/8 tại Hà Nội, PGS, TS Nguyễn Đăng Điệp, - Viện trưởng Viện Văn học cho biết: "Cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Du hội tụ đầy đủ những giá trị, yếu tố để trở thành một biểu tượng văn hóa của Việt Nam".

"Nga có ngành 'Pushkin học' (chuyên nghiên cứu về đại thi hào Pushkin), Trung Quốc có ngành 'Hồng học' (chuyên nghiên cứu về 'Hồng lâu mộng')... Hiện nay, các quốc gia đều hướng đến việc xây dựng, giới thiệu những biểu tượng văn hóa ra thế giới. Việt Nam cũng không thể đứng ngoài sự vận động chung đó để khẳng định bản sắc trong một thế giới phẳng" Viện trưởng Viện Văn học phân tích.



Việt Nam đã có hội Kiều học. Việc nghiên cứu Nguyễn Du và kiệt tác "Truyện Kiều" cũng như việc quảng bá những đóng góp của đại thi hào dân tộc ra thế giới sẽ được tiếp tục mở rộng trong tương lai.

Theo ông Điệp, năm 2015 đánh dấu chặng đường 50 năm tên tuổi Nguyễn Du vượt ra khỏi biên giới Việt Nam, có mặt trên bản đồ văn hóa thế giới.

"Chúng ta cần có những đánh giá mới dựa trên các hướng nghiên cứu hiện đại để tiếp tục tiến tới cái nhìn tổng thể về cuộc đời, tầm vóc tư tưởng của ông. Tuy nhiên, nghiên cứu theo

hướng tiếp cận mới không phải để hiện đại hóa đại thi hào dân tộc mà để hiểu rõ những vấn đề vượt thời đại trong tư tưởng của ông; từ đó tiếp tục tôn vinh Nguyễn Du và khẳng định bản sắc văn hóa Việt Nam trên trường quốc tế," Viện trưởng Viện Văn học nhấn mạnh.

Cụ thể, đến nay, các học giả không chỉ tìm hiểu các sáng tác của Nguyễn Du về các phương diện giá trị nội dung, nghệ thuật thể hiện mà còn đặt ra nhiều tiếp cận mới: hướng nghiên cứu liên văn bản (tìm hiểu việc chuyển thể các tác phẩm của Nguyễn Du sang điện ảnh), hướng nghiên cứu địa văn hóa (tìm hiểu mối quan hệ giữa cuộc đời, sự nghiệp của Nguyễn Du với quê hương Hà Tĩnh)...

Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Đăng Điệp, Nguyễn Du không chỉ là một nhà thơ mà còn là một nhà tư tưởng, nhà lý luận lớn trong lịch sử; một đại diện tiêu biểu của quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa trong khu vực Đông Á trước thời hiện đại.

Chủ nghĩa nhân đạo, tinh thần nhân văn được đặt ra trong các sáng tác của Nguyễn Du không chỉ có ý nghĩa ở thời đại Nguyễn Du mà vẫn có giá trị với hậu thế. Bên cạnh đó, hội thảo quốc tế với chủ đề "Đại thi hào dân tộc-Danh nhân văn hóa thế giới Nguyễn Du: Di sản và các giá trị xuyên thời đại" sẽ được tổ chức vào ngày 8/8 tại Hà Nội tiếp tục mở ra, "xới" lên những vấn đề mới để việc nhận diện chân dung, đánh giá những đóng góp của Nguyễn Du đối với văn hóa, văn học Việt Nam được đầy đủ hơn.

Đây là sự kiện nằm trong chuỗi hoạt động hướng đến kỷ niệm 250 năm sinh Danh nhân văn hóa thế giới-Đại thi hào dân tộc Nguyễn Du (1765-2015).

Trước đó, tháng 12/1964, tại Berlin (Đức), Hội đồng Hòa bình Thế giới đã ra nghị quyết về việc tổ chức kỷ niệm 200 năm sinh Nguyễn Du (1765-1965) cùng với 8 danh nhân văn hóa khác trên thế giới. Đây là dấu mốc đầu tiên đánh dấu việc tên tuổi và những đóng góp của Nguyễn Du đã được ghi nhận trên phạm vi toàn cầu. Ngày 25/10/2013, Đại hội đồng Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) đã chính thức thông qua việc vinh danh Nguyễn Du là Danh nhân văn hóa thế giới tại kỳ họp thứ 37 tại Paris (Pháp).

T.Lê / <http://vietnamnet.vn>

Di sản văn hóa của Nguyễn Du là kết tinh trí tuệ, tâm hồn, vẻ đẹp văn hóa dân tộc Việt Nam (*)

(Trích bài phát biểu của đồng chí Đinh Thế Huynh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư T.Ư Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo T.Ư tại Hội thảo quốc tế kỷ niệm 250 năm sinh Đại thi hào Nguyễn Du)



Các đại biểu dự Hội thảo kỷ niệm 250 năm sinh Đại thi hào Nguyễn Du (1765-2015) tại Hà Nội. Ảnh: VIỆT KHÔI

... Sinh thời, Nguyễn Du vì đau đớn bởi sự cô độc giữa thời thế, giữa nhân tình đã thốt lên: “*Bất tri tam bách dư niên hậu, Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như*” (Không biết hơn ba trăm năm sau, thiên hạ có ai là người khóc Tố Như). Nhưng hai trăm năm qua ở Việt Nam, di sản vô giá, đặc biệt là Truyện Kiều của Nguyễn Du không ngừng lan tỏa và được khám phá trên nhiều phương diện khác nhau. Từ nửa thế kỷ trước đây, trong hoàn cảnh chiến tranh, đất nước còn muôn vàn khó khăn, gian khổ, cùng với Nghị quyết của Ủy ban Hòa bình thế giới, Đảng và Nhà nước ta đã tổ chức Lễ kỷ niệm 200 năm Ngày sinh Nguyễn Du một cách trọng thể. Có thể nói, ở đâu trên đất nước này, nơi nào có cuộc sống, ở đó có Nguyễn Du.

Từ những trí thức đến người lao động bình thường, không ai không thuộc hoặc không đọc, không nghe một vài câu Kiều của Nguyễn Du.

Người ta đọc Kiều, người ta lấy Kiều, người ta bói Kiều, người ta ru con bằng những câu Kiều. Và tôi nghĩ, nhiều cô bé, cậu bé nằm nôi lớn lên từ những lời ru đó không thể sống ác được, không thể không thương người, thương mình trong những bước truân chuyên cuộc đời. Trong suy nghĩ của chúng ta, di sản văn hóa của Nguyễn Du là sản phẩm kết tinh trí tuệ, tâm hồn, vẻ đẹp văn hóa dân tộc Việt Nam qua tài năng trác tuyệt của ông và cùng với thời gian, di sản ấy đã trở thành một phần tinh hoa văn hóa nhân loại.

Một câu hỏi lớn thường đặt ra: Vì sao di sản của Nguyễn Du, đặc biệt là Truyện Kiều, có sức sống lâu bền và đi vào lòng người sâu rộng đến vậy? Như chúng ta đều biết, Nguyễn Du được sinh ra tại kinh thành Thăng Long, trong một gia đình đại quý tộc có truyền thống khoa bảng. Quê ông ở làng Tiên Điền, Nghi Xuân, Hà Tĩnh - một vùng địa linh nhân kiệt. Truyền thống quê hương, gia đình, sự tích hợp nhiều nguồn văn hóa khác nhau, “thập tải phong trần” trải nghiệm những thăng trầm dằng dặc cuộc đời của đủ loại chúng sinh, kết hợp một cách kỳ diệu với tài năng thiên bẩm và sự nhạy cảm trước những biến động thời cuộc đã tạo nên Nguyễn Du, người “có con mắt nhìn thấu sáu cõi, tấm lòng cảm tới nghìn đời”. Sáng tạo của Nguyễn

Du là sáng tạo gắn liền với sự chiêm nghiệm sâu sắc về đời sống, về những số phận, những kiếp người. Nguyễn Du khóc thương cho những thân phận khổ đau, đặc biệt là số phận của người phụ nữ, lên án bất công xã hội, ước mơ giải phóng con người... Đó không phải là sự thương vay, khóc mướn của người ngoài cuộc mà là sự cảm thông đứt ruột của một thi nhân, một con người bị quăng quật, giằng xé bởi những "đoạn trường" thời thế, gia thế và số phận mình.

Vì vậy, nhiều câu thơ của Nguyễn Du là sự khái quát thành những triết lý nhân sinh sâu sắc về cuộc đời, về con người, số phận con người, về những cảnh huống của đời người. Đó không phải là những vấn đề của một thời mà của nhiều thời. Đó không phải là những vấn đề của một quốc gia, một cộng đồng, một con người mà là của toàn nhân loại. Thêm nữa, và đây là điều rất quan trọng: Nguyễn Du đề cao cái Thiện, coi cái Thiện là gốc rễ của văn hóa. "Thiện căn bởi tại lòng ta", đó là mẫu số chung lớn để tác phẩm của ông vượt qua mọi giới hạn của ngôn ngữ, bắt gặp sự chia sẻ, đồng điệu của mọi người. Tất cả đều xuất phát từ gốc rễ bền sâu của chủ nghĩa nhân đạo Nguyễn Du. Cũng bởi thế, hai trăm năm qua, Truyện Kiều luôn được phổ cập rộng rãi trong toàn thể quốc dân. Đến nay, đã có hơn ba mươi bản dịch ra nước ngoài.

Nhắc đến di sản Nguyễn Du là nhắc đến những tập thơ chữ Hán chứa đầy suy tư, trầm ẩn như *Bắc hành tạp lục*, *Thanh Hiên thi tập*, *Nam trung tạp ngâm*, nhắc đến sự thống thiết trong *Văn tế thập loại chúng sinh*,... Nhưng

tâm vóc vĩ đại của Nguyễn Du trước hết gắn liền với tập thơ chữ Nôm *Đoạn trường tân thanh* mà chúng ta vẫn quen gọi là Truyện Kiều. Trên cơ sở cốt truyện của Thanh Tâm Tài Nhân, Nguyễn Du đã sáng tạo nên một sản phẩm toàn bích, có ý nghĩa như một bách khoa thư về đời sống. Nhiều nhân vật của Nguyễn Du, dù chỉ được phác họa trong một vài câu thơ, cũng đã thành những nhân vật điển hình. Nhiều nhân vật bước ra ngoài trang sách, thành biểu trưng cho một loại người, một tính người trong xã hội. Điều này, Thanh Tâm Tài Nhân không làm được và không phải nghệ sĩ lớn nào cũng làm được.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị Anh hùng dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới là người luôn vận dụng và lấy Kiều hết sức linh hoạt. Nhờ lấy Kiều một cách chính xác, hợp lý, hợp tình mà Người đã truyền tải nhiều ý nghĩ, mong muốn của mình đến đồng bào, đồng chí một cách nhanh nhất, hiệu quả nhất. Và cũng thật thú vị, vào những năm khép lại thế kỷ 20 đầu thế kỷ 21, trong mỗi bang giao mở rộng, nhiều nguyên thủ quốc gia khi đến Việt Nam đã mượn hình thức lấy Kiều như một sự thể hiện coi trọng văn hóa, coi văn hóa là cầu nối để xây đắp tình hòa hiếu, hướng tới tương lai. Như vậy, những giá trị văn hóa mà Nguyễn Du để lại cho chúng ta hôm nay, chắc hẳn còn hứa hẹn những khám phá mới. Bản chất của văn hóa là luôn mở. Chúng ta chờ đợi những khám phá mới ấy về Nguyễn Du từ Hội thảo hôm nay...

(*) Đầu đề là của Báo Nhân Dân.
<http://www.nhandan.com.vn>

NỖI THÔN THỨC CỦA ĐẠI THI HÀO NGUYỄN DU

(Baohatinh.vn) - “Vết nứt quả đất xuyên qua trái tim nhà thơ”, với Nguyễn Du, quả đúng như vậy! Nguyễn Du đau nỗi đau nhân thế. Âm hưởng chủ đạo trong thế giới văn thơ của Cụ là lòng xót thương vô hạn mọi kiếp người khốn khổ. Sợi chỉ đỏ xuyên suốt trước tác, dù viết bằng chữ Hán hay chữ Nôm, viết trong những hoàn cảnh, về những đề tài, đối tượng cảm hứng khác nhau, không gì khác, ấy là nỗi thôn thức thân phận khổ ải, bất hạnh của đồng loại.



Tượng đài cụ Nguyễn trong Khu di tích lưu niệm Nguyễn Du

Văn tế thập loại chúng sinh

Còn gọi là Văn chiêu hồn hay Văn tế chiêu hồn làm theo thể thơ song thất lục bát, gồm 184 câu viết bằng chữ Nôm. Cho đến nay chưa rõ thời điểm ra đời. Ông Trần Thanh Mại trên tờ Đông Dương tuần báo năm 1939, cho rằng, Nguyễn Du viết bài văn tế ngay sau một mùa dịch làm hàng triệu người chết, nơi nơi âm khí nặng nề, các chùa đều lập đàn cầu siêu cho các linh hồn. Nhưng học giả Hoàng Xuân Hãn lại có ý kiến: Có lẽ Nguyễn Du viết trước cả Truyện Kiều, lúc Cụ còn làm Cai bạ ở Quảng Bình.

Cuốn Từ điển văn học (bộ mới, NXB Thế giới, 2004, tr.1972) ghi: Người đầu tiên phát hiện bài văn tại chùa Diệc (TP Vinh) là Giáo sư Lê Thước. Nhưng cổ nhất là bản khắc ván năm 1895 của nhà sư Chính Đại, tàng trữ ở chùa Hưng Phúc, xã Xuân Lôi, huyện Võ Giàng, Bắc Ninh. Từ hai bản này, học giả Hoàng Xuân Hãn đã khảo chứng, hiệu đính kỹ, đưa ra một văn bản có độ tin cậy cao hơn. 184 câu thơ song thất

lục bát có vần điệu uyển chuyển, truyền đến người đọc, người nghe lòng trắc ẩn, nỗi thôn thức, được trải ra 4 phần: 20 câu đầu - cảnh một chiều thu tháng bảy mưa dầm “sùi sụt”, “lạnh buốt xương khô” khiến Nguyễn Du chạnh lòng thương chúng sinh đang bơ vơ nơi cõi âm; 116 câu: nêu tên từng hạng người và những cái chết thương tâm của họ; 20 câu tiếp - thế giới cô hồn thể lương, thăm thiết Nghe gà gáy tìm đường lánh ẩn/ Lặn mặt trời lần thẩn tìm ra/ Lỗi thời bông trẻ đất già...; 28 câu cuối: thỉnh cầu phép Phật nhiệm màu giải thoát mọi cô hồn và lời mời gọi các cô hồn nhận phần lễ cúng.

Văn chiêu hồn là sản phẩm của một khiếu năng tưởng tượng phi thường và tính ẩn dụ thâm thúy về thế giới bên kia của ngòi bút thi hào. Người đọc sẽ tự nhiên liên hệ với Thần khúc, trường ca vĩ đại của nhà thơ Ý thời Trung cổ Dante Alighien (1265-1321). Nhưng điểm khác, ở Văn chiêu hồn, hai cõi dương và âm song hành, con người trong đó không ai hiện lên là tội đồ, dù khi sống quý hay hèn, hiền hay ngu, mà chỉ vì hoàn cảnh, tham vọng nên vấp phải cái chết thảm. Trong nhãn quan thi hào, cái chết là nỗi khổ chung của con người trong chuỗi sinh - lão - bệnh - tử, là nơi hội tụ của nhân loại, cầu Nại Hà kẻ trước người sau dù mỗi người một nghiệp khác nhau, nhà thơ thương hết thấy, một tình thương không ranh giới.

Dù là kẻ tính đường kiêu hãnh, giàu sang trong màn loạn tướng huệ, làm quan to mũ cao, áo rộng, những viên tướng bài binh, bố trận giải vây trăm họ nên công một người, những kẻ rắp cầu chữ quý, Sống thời tiền chảy bạc ròng/ Thác không đem được một đồng nào đi và Những kẻ vào sông ra bể, Gặp cơn sóng tố giữa dòng/ Đem thân vùi rấp vào lòng kinh nghê, kẻ đi về buồn bán, Đòn gánh tre chín dạn hai vai, kẻ mắc vào khóa lính, Bỏ cửa nhà đi gánh việc quan ở Buổi chiến trận mạng người như rác, kẻ Liều tuổi xanh buồn nguyệt bán hoa/ Ngẩn ngơ khi trở về già/ Đâu chồng con tá biết là cậy ai?, kẻ Dối thàng ngày hành khát ngược xuôi, Sống nhờ hàng xử, chết vùi đường quan, kẻ mắc oan tù rạc, Gửi mình vào chiếu rách một manh/ Nắm xương chôn rấp góc thành, Những tiểu nhi tám bé, Lỗi giờ sinh lìa mẹ lìa cha/ Lấy ai bông bé vào ra/ U ơ tiếng khóc thiết tha nỗi lòng, kẻ hữu sinh vô dưỡng, cả đời không con cái và bao kẻ chết thảm bởi đủ loại tai nạn: thủy, hỏa, ác thú...

Tuy vậy, tình cảm thi hào vẫn nghiêng, đọng ở những người nghèo khổ, thấp cổ, bé họng trong xã hội. Bởi ngoài cái khổ chung - cái chết, họ còn chịu thêm cái khổ riêng khi ở trần ai; vả lại, trong nhãn quan thi hào, bên phần bác ái của một hành giả, người tu tập còn có cái nhìn cụ thể, trực giác của người nghệ sỹ. Viết về họ, Nguyễn Du có những câu thơ hết sức thống thiết, quả là xưa nay chưa từng có dù đó là nhà thơ cùng xương thịt với nhân dân (Xuân Diệu).

Văn tế thập loại chúng sinh đề cập đến rộng khắp mọi kiếp người. Số 10 (thập loại) chỉ là một con số tượng trưng cho sự toàn vẹn. Diễn tả cảnh khổ ải ở cõi âm, Nguyễn Du như muốn cảnh báo người sống đang lao đầu vào hố lợi danh, tiền của. Người đọc, nhất là người đọc ngày nay, soi mình vào những câu: Sống thời tiền chảy, bạc ròng/ Thác không đem được một đồng nào đi/... Thịnh mãi lắm, oán thù càng lắm/ Trăm loài ma mị nắm chung quanh/ Nghìn vàng khôn đổi được mình/ Lầu ca, viện hát tan tành còn đâu? đâu dễ không giật mình tỉnh ngộ!

Nằm trong hệ văn tế cúng - ngày nay, rằm tháng bảy xá tội vong nhân, một số đền, chùa vẫn tụng đọc, Văn tế thập loại chúng sinh lại không viết bằng thể văn tế biền ngẫu thường thấy hay bằng văn xuôi, mà bằng thể thơ song thất lục bát có sức truyền cảm mạnh. Trong bài văn có một ít điển tích nhà Phật nhưng hầu hết là ngôn từ đời thường rất dễ hiểu; cùng giọng điệu thơ biến đổi liên tục, bất ngờ, ngôn ngữ ấy truyền đến người đọc, người nghe nỗi thống khổ, tình thương vô biên của Đại thi hào Nguyễn Du đối với con người - nhân loại.

Sở kiến hành (Những điều trông thấy)

Bài thơ nằm gần cuối tập thơ chữ Hán Bắc hành tạp lục, thi hào sáng tác trong chuyến làm trưởng đoàn sứ bộ đi sứ Trung Quốc từ tháng 2/1813 đến cuối năm 1813. Chọn thể hành"- thể thơ có thể ghi chép, mô tả - Những điều trông thấy như một thiên ký sự về cảnh ngộ của Một mẹ cùng ba con/ Lê la bên đường nọ/ Đứa bé ôm trong lòng/ Đứa lớn tay mang giỏ tha hương cầu thực. Hình dung con người và nghệ sỹ Nguyễn Du, có thể hiện lên một chân dung tai mắt dương rộng, luôn lắng đọng Những điều trông thấy mà đau đớn lòng (Truyện Kiều).

Nói bài thơ như thiên ký sự, viết theo thể hành, nhưng hết thấy nỗi bi thương của bốn mẹ con người Trung Hoa, thi hào đã khắc vào tim óc, viết ra bằng máu và nước mắt mình. Nhà thơ Việt Nam nhập thân, hòa làm một với nỗi lòng người mẹ khổ khổ:

*Kiến nhân bất ngưỡng thị,
Lệ lưu khâm lang lang.
Quần nhi thả hỉ tiểu,
Bất tri mẫu tâm thương.
(Gặp người chẳng dám nhìn,
Lệ sa vạt áo ướt,
Mấy con vẫn cười đùa,
Biết đâu lòng mẹ xót).*
(Nguyễn Hữu Bồng - dịch thơ)

Bài thơ thật nhiều đối lập: gió lạnh tràn về - quần áo bốn mẹ con lam lũ; trưa qua, chiều xuống - bốn mẹ con vẫn chưa có miếng gì vào bụng; lòng mẹ xót - con thơ đại vẫn hồn nhiên cười đùa; bốn mẹ con đói khát - đêm qua ở trạm Tây Hà, mâm cỗ cúng đón cho đoàn sứ bộ sang vô kể: Vây cá hàm gân hươu, lợn dê mâm đầy ngút/ Quan lớn không gấp qua/ Các thầy chỉ ném chút/ Thức ăn thừa đồ đi/ Quanh xóm no đàn chó. Ở đây, sự hài hòa giữa nghệ thuật đối lập và nội dung tư tưởng của bài thơ đã đạt đến độ nhuần nhuyễn. Trong tập Bắc hành tạp lục, không ít lần Nguyễn Du đã đặt bên nhau theo chiều đối sánh sự thừa mứa cơm gạo, rượu thịt của đoàn sứ bộ mà mình là trưởng đoàn với cảnh thiếu thốn, đói khát của người dân lao lực Trung Hoa. Giống như nhiều sáng tác của văn hào Lỗ Tấn (1881-1936), thi hào Việt Nam luôn "tự kỷ ám thị", tự thấy xót xa và hối lỗi. Bài thơ kết lại đột ngột, rất quả cảm nhưng không làm người đọc bất ngờ:

*Thùy nhân tả thử đồ,
Tri dĩ phụng quân vương
(Ai vẽ bức tranh này,
Dâng lên nhà vua rồi!)*

Vua Trung Hoa và dĩ nhiên cả vua Việt Nam, triều Nguyễn! Dọc đường đi sứ, Nguyễn Du luôn liên hệ tình cảnh người dân bản xứ với dân Việt Nam mình:

*Chỉ đạo Trung Hoa tấn ôn bão,
Trung Hoa diệc hữu như thử nhân!
(Thường nghe nói đất Trung Hoa, ai cũng no ấm,
(không ngờ) Trung Hoa cũng có người như thế
ấy!)*

(Thái Bình mại ca giả - Người hát rong ở thành Thái Bình)

Trái tim vĩ đại của Đại thi hào - Danh nhân văn hóa thế giới Nguyễn Du dành trọn cho những con người đau khổ, cho dân tộc mình, cho người dân Trung Hoa và rộng khắp cho nhân loại "Suốt nghìn năm xa...".

Lê Thái Phong
Nhà giáo ưu tú, Hội viên Hội Kiều học Việt Nam

Thơ chữ Hán - cách nhìn thế sự và nỗi đau đời của Nguyễn Du

(Baohatinh.vn) - Đại thi hào Nguyễn Du vốn nổi danh thế giới bởi “Truyện Kiều” nhưng bên cạnh đó, mảng thơ chữ Hán được ông sáng tác xuyên suốt gần 30 năm đã khắc họa cuộc đời và tâm tư của một nhà thơ sống trong giai đoạn lịch sử đầy biến động. Trước thế sự rối ren và sự nổi chìm của số phận, thơ chữ Hán bộc lộ phần sâu kín trong tâm tư, tình cảm của một con người “thương đời” mà không “cứu được đời”...

Thơ chữ Hán của Nguyễn Du dường như không có biên độ về đề tài. Trong suốt những năm tháng tao loạn, trải qua quãng đời bể dâu, gió bụi cho đến những năm ra làm quan với nhà Nguyễn ở Bắc Hà, qua những điều mắt thấy, tai nghe, thông qua tư tưởng nhân đạo và ngòi bút tài hoa, Nguyễn Du đã sáng tác tập Thanh Hiên thi tập.

Bài thơ thứ nhất trong tập thơ này (Quỳnh Hải nguyên tiêu) thể hiện nỗi đau buồn vì hoàn cảnh gia đình tan tác cũng là sự phản ánh xã hội tao loạn lúc bấy giờ: Hồng Lĩnh vô gia huynh đệ tán/ Bạch đầu đa hận tuế thời thiên (tạm dịch: Ở Hồng Lĩnh không có nhà, anh em tan tác/ Đầu bạc thường bức vì ngày tháng trôi mau). Trong hoàn cảnh từ một cậu ấm bỗng phải phiêu bạt tứ xứ, Nguyễn Du đã sáng tác nhiều bài thơ thể hiện tâm trạng vô vọng, muốn thoát ra khỏi cuộc đời phiến toái, tìm đến nơi non xanh thanh tĩnh, mong làm bạn với cỏ cây, mây nước: Hà năng lạc phát quy lâm khứ/ Ngọa thính tùng phong hưởng bán vân (tạm dịch: Ước gì có thể gột tóc vào rừng/ Nằm nghe tiếng thông reo lưng chừng mây - Than thân); Ná đắc khiêu ly phù thế ngoại/ Trường tùng thụ hạ tối nghi nhân (tạm dịch: Ước gì thoát được vòng trần tục/ Ngồi dưới gốc tùng già thú biết bao nhiêu – Sợn thân).

Nguyễn Du chán chường, thất vọng không chỉ vì sự dờ dăng của cuộc đời ông mà còn vì bao ngang trái, bất công của một xã hội đang thời hỗn loạn: Bốn bể gió bụi, lệ rơi vì tình nhà nợ nước (My trung mạn hững), Đêm tối sói hổ kêu ngạo/ Trăng sáng chim hồng, chim nhạn tản tác (Biệt Nguyễn Đại Lang)... Ông bàng hoàng, tiếc nuối không chỉ vì sự đổ vỡ của gia đình, dòng họ mà còn vì cảnh thương hải tang điền của cuộc đời: Nhất tự y thường vô mịch xứ/ Lưỡng đề yên thảo bất thăng bi/ Bách niên đa thiếu thương tâm sự/ Cận nhật Trường An đại dĩ phi (tạm dịch: Từ khi áo xiêm không còn tìm đâu thấy/ Khói trên ngọn cỏ hai bờ sông khiến lòng khôn xiết bi thương/ Trăm năm của cuộc đời biết bao việc thương tâm/ Ngày gần đây Tràng An đã khác xưa nhiều - Giang đình hữu cảm)

Bao trùm Thanh Hiên thi tập là nỗi đau buồn của một con người bơ vơ, lạc lõng giữa dòng đời dâu bể. Tâm hồn Nguyễn Du chìm trong những bàng hoàng, day dứt, sầu muộn mênh mông. Song, chính niềm thương thân ấy đã khơi nguồn cho sự cảm nhận sâu sắc của nhà thơ về những mất mát, khổ đau của con người trong thời đại mình.

Với tư chất thông minh và trái tim đầy nhạy cảm, Nguyễn Du có cách cảm nhận rất nhân văn về cuộc đời, số phận và sự tồn tại của mỗi thân phận con người giữa cõi đời chìm nổi. Cách nhìn thế sự và nỗi đau đời, thương đời ấy thể hiện trong suốt tập thơ Nam trung tạp ngâm. Là người tài được vua tin dùng nhưng Nguyễn Du chưa bao giờ lấy sự ân sủng của vua chúa làm niềm vui để quên đi những hoài vọng về quá khứ. Làm quan nhưng ông ít thể hiện tài võ lược mà lại lặng lẽ, thậm chí, có phần biểu hiện của tư tưởng bất đắc dĩ phải chịu cảnh làm quan. Điều này thể hiện khá rõ trong bài Tân thu ngẫu hứng: Thử thân dĩ tác phàn lung vật/ Hà xứ trùng tâm hãn mạn du?

(tạm dịch: Thân này đã là vật trong lòng rồi/ Còn tìm đâu được cuộc đời phóng khoáng tự do nữa?). Đó chính là biểu hiện của một tư tưởng đầy mâu thuẫn, bởi Nguyễn Du vừa muốn trung thành với nhà Lê, vừa không hợp tác với nhà Tây Sơn, lại bắt buộc phải làm quan cho nhà Nguyễn.

Trong tập này, thơ Nguyễn Du chất chứa những mệt mỏi, chán chường, thất vọng. Ông thất vọng về mình vì đã không giữ vẹn được tấm tình thủy chung với non xanh, với tùng cúc, hươu nai. Ông thất vọng về chốn quan trường vì những tưởng khi nhập thế sẽ làm nên sự nghiệp, sẽ giúp ích cho đời nhưng cuối cùng cũng chỉ là kẻ bị trói buộc bởi “năm đấu gạo”. Ông giống như một người không muốn trôi theo dòng chảy kia nhưng chẳng thể nào thoát khỏi vòng xoáy dữ dội của nó nên đành chấp nhận. Điều đau xót nhất là khi bước chân vào nẻo thanh vân cũng là khi hoài bão, ước mơ dần nguội tắt. Nhưng cũng chính trong khoảng thời gian này, tác giả Nam trung tạp ngâm bắt đầu có những nhận thức sâu sắc về bản chất xã hội đương thời. Đó không phải là nơi cho những con người có hùng tâm, tráng chí cất cánh bay cao.

Tập thơ thứ ba - Bắc hành tạp lục có số lượng bài lớn, đề tài phong phú, được nhiều nhà nghiên cứu đánh giá là tập thơ kết tinh các giá trị nội dung và nghệ thuật thơ chữ Hán của Nguyễn Du. Hiện thực cuộc sống bi thương trong xã hội phong kiến cả ở nước ta lẫn Trung Hoa thuở ấy, từ cảnh ngộ đau bể của cô Cầm đánh đàn ở Thăng Long đến nỗi cơ cực của ông già hát rong ở đất Thái Bình (Trung Quốc) đã cho Nguyễn Du thấy thân phận bèo bọt và những bất công mà kiếp người phải chịu. Từ chính cảnh ngộ của mình, ông thông cảm sâu sắc với những phận người nhỏ bé trong xã hội.

Bài thơ Long thành cầm giả ca (Bài ca người gảy đàn ở Long Thành) là một điển hình về nỗi thương đời, thương mình. Với những câu thơ tài hoa, Nguyễn Du khắc họa rõ nét những đổi thay của cả một thời kỳ lịch sử và một đời người, bày tỏ nỗi thương đời và thương mình đến xót xa: Khúc xưa đàn lên từng tiếng mà nước mắt tôi thấm rơi/ Tai lắng nghe mà trong lòng đau xót/ Bỗng sức nhớ chuyện hai mươi năm trước/ Từng thấy cô ta trong bữa tiệc bên hồ Giám/ Thành quách đổi dời, việc người cũng khác/ Bao nơi nương dâu trở thành biển cả/ Cơ nghiệp Tây Sơn tiêu vong đâu hết/ Mà còn sót lại một người trong làng ca múa/ Trăm năm thấm thoát có là bao/ Cảm thương việc cũ, nước mắt thấm áo...

Tư tưởng nhân đạo ấy bao trùm toàn bộ sáng tác trong tập thơ thứ 3 này. Ở Bắc hành tạp lục, Nguyễn Du thậm chí còn vượt cả không gian, thời gian, vượt cả ranh giới ta, địch để xót thương cho những kẻ chết trận, phơi “xương trắng” nơi Quỷ Môn Quan. Bài thơ Phản chiêu hồn là một ví dụ: Tảo liễm tinh thần phản thái cực/ Thận vật tái phản linh nhân xi/ Hậu thế nhân nhân giai Thượng quan/ Đại địa xứ xứ giai Mịch La/ Ngư long bất thực, sài hồ thực/ Hồn hề! Hồn hề! Nại hồn hà? (tạm dịch: Hãy sớm thu tinh thần về với thái hư/ Đừng trở lại đây mà người ta mĩa mai/ Đời sau ai ai cũng đều là Thượng quan/ Mặt đất đâu đâu cũng là sông Mịch La/ Cá rồng không ăn, hùm sói cũng ăn/ Hồn ơi! Hồn ơi! Hồn làm thế nào?).

Nguyễn Du đã vượt qua một số ràng buộc của ý thức hệ phong kiến và tôn giáo để vươn lên khẳng định giá trị tự thân của con người. Thơ ông, nhất là thơ chữ Hán luôn thể hiện sự trân trọng, ca ngợi vẻ đẹp, khát vọng sống, khát vọng tình yêu, hạnh phúc. Với gia tài thơ chữ Hán của mình, Nguyễn Du đã góp phần không nhỏ trong việc làm nên thành tựu của một giai đoạn rực rỡ nhất trong lịch sử văn học dân tộc.

Phong linh / Báo Hà Tĩnh

NGUYỄN DU VÀ HÔM NAY

Nhân kỷ niệm 250 năm Ngày sinh Đại thi hào Nguyễn Du (1765-2015), Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và UBND tỉnh Hà Tĩnh đồng tổ chức Hội thảo quốc tế: Đại thi hào dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới Nguyễn Du: “Di sản và giá trị xuyên thời đại”. Gần một trăm tham luận của nhiều học giả trong và ngoài nước đã làm sâu sắc hơn tài năng, địa vị văn hóa của nhà thơ lớn, làm rõ hơn vẻ đẹp vĩnh cửu của Truyện Kiều, của thơ chữ Hán Nguyễn Du. Nhưng chưa thấy có nhiều ý kiến liên hệ rộng rãi: Để thời hôm nay có những Nguyễn Du, có những Truyện Kiều? Mà có lẽ đây là câu hỏi khó trả lời nhất, cũng là cần thiết nhất, thời sự nhất!

Nguyễn Du sống trước chúng ta hai thế kỷ, chắc chắn thời đó về mọi phương diện, vật chất cũng như tinh thần không thể phong phú, đủ đầy như ngày hôm nay. Nhưng tại sao ông vẫn có thể viết được kiệt tác bất hủ để con cháu đời sau lấy đó làm chuẩn mực tư tưởng cũng như chuẩn mực thẩm mỹ mà học tập, sáng tạo?

Để có những Truyện Kiều, phải có những Nguyễn Du. Đây là một trong những nội dung của triết học văn hóa đương đại đang đi tìm những thành tố cấu trúc nên nhân cách con người văn hóa nhà văn trong thời đại toàn cầu hóa. Nhưng từ cuộc đời Nguyễn Du, chúng ta có thể đưa ra những nét khái lược, cụ thể:

Đó là tấm lòng yêu thương con người vô hạn. Không có lòng yêu thương không thể có những vần thơ đau đớn “như máu rỏ ở đầu ngòi bút”, thông cảm với nỗi bất hạnh nỗi chìm của người phụ nữ dưới chế độ phi nhân tính xưa. Người đọc thời nào cũng nhìn thấy rõ trong nỗi đau của cô Kiều là nỗi đau của Nguyễn Du. Tấm lòng lớn sẽ sản sinh ra tư tưởng lớn: Yêu con người, vì con người! Ông đã cầm bút để nói lên tiếng nói khẩn thiết mà đau đớn: Hãy cứu lấy cái đẹp, cứu lấy những kiếp người bất hạnh!!!

Thứ nữa là vốn sống. Nguyễn Du có mười năm lang bạt nay đây mai đó ở nhiều địa danh trong nước. Ông cũng từng đi sứ sang nước Trung Hoa rộng lớn. Ông từng chứng kiến cảnh vô cùng sang trọng vương giả nơi cung vua phủ chúa, nhưng cũng từng ngậm ngùi đắng xót nhìn cảnh chết đói của kẻ nghèo. Cuộc đời Nguyễn Du đầy thăng trầm với những bi kịch, của thời đại có, của cá nhân có. Bi kịch của Nguyễn Du nhưng là cái may mắn của lịch sử văn học và cả lịch sử dân tộc. Thì ra vốn sống của nhà văn là sự trải nghiệm, là sự nhập thân vào cuộc đời để nắm bắt cái thần thái sống nhất rồi nghiền ngẫm mà sáng tạo tác phẩm.

Thứ ba là vốn tri thức. Không đọc rộng kho tàng văn hóa Trung Hoa sẽ không tìm được cốt truyện Kim Kiều để chuyển tải tư tưởng, nỗi lòng mình. Không hiểu điển tích,

không hiểu văn hóa phương Đông, không thuộc nhiều tục ngữ ca dao, không hiểu tiếng nói nhiều vùng miền...không thể sáng tạo nên “tập đại thành” về ngôn ngữ Truyện Kiều.

Thứ tư là tài năng. Tài năng nhìn thấy bản chất sự vật mà người khác không thấy. Tài kể chuyện. Tài làm thơ. Tài miêu tả, vẽ cảnh... Chưa bàn đến tài năng do bẩm sinh thiên phú hay do rèn luyện (chắc là cả hai!), chỉ nói đến chuyện viết 3.254 câu lục bát đúng vần kể lại một câu chuyện dài với cả thế giới nhân vật, điệu bộ, giọng nói đầy sinh động... thì đúng phải là thiên tài đích thực!

Cuộc đời đại thi hào là tấm gương cho chúng ta hôm nay học tập, rèn luyện.

Còn về tác phẩm, chúng tôi cho rằng, Bác Hồ là người nói đúng nhất và ngắn gọn nhất về sự lớn lao của Truyện Kiều: “Chính vì, không ai đọc là không thấy tình cảm của mình ít nhiều trong đó, do đó, Truyện Kiều hấp dẫn người đọc” (Bác Hồ, Hội Văn nghệ Cao Bằng, 1990, tr.189). Đây là một chi tiết đắt, rất tiếc, trong các giáo trình đại học, các sách lý luận khi chứng minh cho một tác phẩm hay vừa phải mang tầm phổ quát nhân sinh, vừa phải đi sâu vào tâm hồn mỗi con người, chưa thấy viện dẫn câu nói này. Đây có lẽ cũng chính là cái đích sáng tác của nhà văn hôm nay.

NGUYỄN THANH

<http://www.qdnd.vn>

Đi tìm dấu tích Nguyễn Du ở Huế

LTS: Huế là nơi thi hào Nguyễn Du đã sống trong những năm làm quan triều Nguyễn. Nhiều tác phẩm của ông, trong đó có Truyện Kiều, đã được viết ở đây.

Huế cũng là nơi ông trút hơi thở cuối cùng và được an táng tại đây. Nhưng đâu là nơi thi hào từng sống, được an táng trước khi đưa về lại quê nhà? Nhà thơ Mai Văn Hoan đã cất công đi tìm những “địa chỉ Nguyễn Du” ở Huế.



Có khả năng nơi Nguyễn Du từng ở giai đoạn 1815-1820 là ngôi nhà trong vườn An Hiên hoặc nằm quanh khu vực này - Ảnh: M.T.

Nguyễn Du đặt chân đến Huế lần đầu tiên vào năm 1793 trong chuyến đi thăm Nguyễn Nễ (anh trai cùng mẹ, làm quan cho triều Tây Sơn). Lúc đó, Nguyễn Nễ cũng như Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích... được triều đình bố trí tạm trú trong các ngôi chùa xung quanh cung điện Đan Dương (gần khu vực chùa Từ Đàm, thuộc phường Trường An, TP Huế hiện nay).

Như vậy, khu vực xung quanh chùa Từ Đàm có thể là nơi Nguyễn Du từng lưu lại trong lần đầu tiên nhà thơ đặt chân đến Huế.

Nơi Nguyễn Du tạm trú những năm 1805-1809

Ngay năm đầu tiên lên ngôi lấy niên hiệu Gia Long (1802), Nguyễn Ánh đã mời Nguyễn Du ra làm quan. Nhà thơ nhậm chức tri huyện Phù Dung (Hưng Yên) rồi chuyển làm tri phủ Thường Tín (Hà Tây). Chưa được hai năm, ông lấy cớ bị bệnh, từ chức, về quê (Tiên Điền, Nghi Xuân, Hà Tĩnh).

Đầu năm 1805, lại có chiếu chỉ nhà vua mời ông vào kinh đô và thăng chức Đông Các điện học sĩ. Cũng như phần lớn những người ở xa mới về kinh đô nhậm chức, Nguyễn Du được triều đình bố trí tạm trú tại nhà công. May mắn là trong *Nam Trung tạp ngâm* có đến ba bài thơ đề cập ngôi nhà công ấy.

Thơ chữ Hán của Nguyễn Du phần lớn được viết dưới dạng nhật ký. Nhà thơ ghi lại một cách chân thực những điều mắt thấy, tai nghe. Qua bài *Ngẫu hứng công quán bích* (Thơ ngẫu hứng đề trên vách nhà công), ta có thể hiểu được phần nào cuộc sống đạm bạc của những viên quan ở nhà công thời Gia Long: *Triều xan nhất vụ phan/ Mộ dục nhất bồn thủy* (Sớm ăn một bát cơm/ Chiều tắm một bồn nước).

Quang cảnh xung quanh ngôi nhà công mà Nguyễn Du ở còn rất hoang dã: *Khai song kiến kinh kỉ/ Song ngoại kinh kỉ mạn thả trường* (Hé song thấy gai góc/ Gai góc ngoài song mọc ngổn ngang).

Hai câu thơ này còn có nghĩa bóng khá thâm thúy. Từ ngôi nhà công ấy, nhà thơ có thể nhìn thấy: *Xương hạp môn tiền xuân sắc lan/ Cách giang diêu đối Ngự Bình san* (Xuân đã sắp tàn trước cửa rồng/ Xa xa núi Ngự ở bên sông).

Theo sử sách ghi lại, vào năm 1803 hoàng thành Huế đã xây xong nhưng chưa có quy mô như bây giờ. Đến năm 1805 bắt đầu xây kinh thành và 27 năm sau kinh thành Huế mới cơ bản hoàn thành (1832).

Bài *Ngẫu đề* cho ta biết ngôi nhà công mà Nguyễn Du đang tạm trú nằm ở góc phía đông hoàng thành: *Thập khẩu đề cơ Hồng Lĩnh bắc/ Nhất thân ngoại bệnh Đế Thành đông* (Mười miệng kêu đói ngoài bắc Hoàng Sơn/ Một thân nằm bệnh phía đông thành nhà vua). Ngôi nhà công ấy ở rất gần vùng quê nên đêm đêm nhà thơ nghe rõ: *Đinh đông châm xứ thiên gia nguyệt* (tiếng lục lạc, tiếng chày của nghìn nhà dưới trăng nghe rộn rã).

Từ những chi tiết ấy ta có thể phỏng đoán: ngôi nhà Nguyễn Du tạm trú trong

những năm đầu làm quan ở Huế nằm trên trục đường Mai Thúc Loan (gần chỗ gia đình cụ phó bảng Nguyễn Sinh Sắc từng ở sau này).



Ngôi nhà Nguyễn Du tạm trú trong những năm đầu làm quan ở Huế nằm gần chỗ ở gia đình cụ phó bảng Nguyễn Sinh Sắc từng ở sau này, ngày nay là đường Mai Thúc Loan - Ảnh: Quốc Nam

Cây hồng vườn An Hiên và nơi an táng Nguyễn Du

Năm 1813 có thể xem là bước ngoặt trong cuộc đời làm quan của Nguyễn Du. Ông được thăng Cần Chánh điện học sĩ và cử làm chánh sứ đi Trung Quốc (Nguyễn Du đã ghi lại khá đầy đủ chuyến đi này trong *Bắc hành tạp lục*).

Cuối năm 1814, trở về Phú Xuân nhà thơ được Gia Long đặc cách phong hữu tham tri Bộ Lễ. Có lẽ do bận rộn với công việc mới và dồn toàn bộ tâm trí để soạn *Đoạn trường tân thanh* (thời điểm Nguyễn Du sáng tác *Truyện Kiều* có nhiều giả thuyết khác nhau) nên không thấy Nguyễn Du viết nhật ký bằng thơ chữ Hán.

Mặc dù vậy, thông qua cây hồng tiến trong vườn An Hiên ngày nay và nơi an táng nhà thơ, ta có thể phần nào phán đoán được chỗ ở của Nguyễn Du giai đoạn từ năm 1815 đến khi mất (1820).

Cây hồng tiến có nguồn gốc từ Quảng Tây (Trung Quốc). Theo truyền thuyết, sở dĩ gọi là hồng tiến là bởi có một thời loại hồng này được chọn làm vật phẩm tiến vua. Hồng tiến ra quả vào tháng 7, trái không có hạt, “ngọt và thanh đến độ tưởng

như mỗi miếng vừa ngậm vào nửa chừng đã tan thành dư vang của một tiếng chim” (Hoàng Phủ Ngọc Tường).

Ở miền Trung chỉ hai nơi có loại hồng tiến là làng Tiên Điền, Nghi Xuân, Hà Tĩnh và làng Kim Long, Huế. Đây là loại cây khó trồng nên không phải nhà nào cũng có.

Theo cụ Nghè Mai (chắt nội của Nguyễn Du), chính thi hào là người đã mang giống cây này trong chuyến đi sứ Trung Quốc về Tiên Điền. Hiện trong khu vườn An Hiên ở Huế vẫn còn cây hồng tiến mà cụ Nghè Mai mang giống từ Tiên Điền vào tặng ông tuần phủ Nguyễn Đình Chi.

Ngoài quan hệ tình cảm với chủ nhân vườn An Hiên, chắc cụ Nghè Mai còn muốn ghi lại dấu ấn những tháng năm Nguyễn Du sống trên mảnh đất này. Và nếu như thế thì rất có khả năng ngôi nhà mà Nguyễn Du từng ở giai đoạn 1815-1820 là ngôi nhà trong vườn An Hiên hoặc nằm quanh khu vực này (nay thuộc làng Xuân Hòa, phường Hương Long, TP Huế).

Năm 1820 Gia Long mất, Minh Mạng lên ngôi, Nguyễn Du lại được cử làm chánh sứ đi Trung Quốc nhưng chưa kịp lên đường thì mất đột ngột (trong một trận dịch khủng khiếp làm chết hàng vạn người) ở kinh đô Huế vào mùng 10 tháng 8 năm Canh Thìn (16-9-1820). Sách *Đại Nam liệt truyện* chép: “Đến khi đau nặng ông không chịu uống thuốc, bảo người nhà sờ tay chân. Họ thưa đã lạnh cả rồi. Ông nói “được” rồi mất, không trở lại điều gì”.

Nguyễn Du được an táng tại nghĩa trang xã An Ninh (tức làng An Ninh Thượng và An Ninh Hạ, thuộc phường Hương Long, TP Huế bây giờ). Bốn năm sau (1824), con cháu mới cải táng về Tiên Điền, Nghi Xuân, Hà Tĩnh. Nghĩa trang xã An Ninh cách không xa vườn An Hiên, đó cũng là cơ sở để chúng ta phỏng đoán vị trí ngôi nhà mà Nguyễn Du từng sống trong những năm tháng cuối đời.

Chuyện về 3 cây cổ thụ trên 300 tuổi trong khu lưu niệm Đại thi hào Nguyễn Du

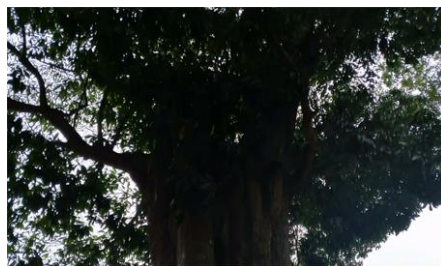
Trong khu di tích Đại thi hào Nguyễn Du, xã Tiên Điền, huyện Nghi Xuân (Hà Tĩnh) có 3 cây cổ thụ trường thọ trên 300 tuổi. 3 cây này được cụ Nguyễn Quỳnh, ông nội Nguyễn Du trồng, tượng trưng cho 3 đứa con thông minh, đỗ đạt của mình.



Cây Nóng, một trong 3 cây do chính cụ Nguyễn Quỳnh, ông nội Đại thi hào Nguyễn Du trồng, đến nay đã được trên 300 năm tuổi

Khu di tích Nguyễn Du trải dài trên địa bàn toàn xã Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh có bề dày lịch sử đã trên 400 năm. Trong khu di tích Nguyễn Du có 3 cây hết sức đặc biệt. Điều đặc biệt ấy không chỉ đến từ sự trường thọ trên 300 tuổi, mà 3 cây này được cụ Nguyễn Quỳnh, ông nội Nguyễn Du trồng, tượng trưng cho 3 đứa con

thông minh, đỗ đạt của mình.



Trải qua hàng trăm năm, 2 trong 3 cây cổ thụ này vẫn hiên ngang, tỏa bóng xanh mát tại Khu lưu niệm Đại thi hào Nguyễn Du

Tương truyền, sinh thời cụ Nguyễn Hằng có 5 người vợ và 9 con (6 trai, 3 gái). Là người tinh thông lý số, giỏi tính toán chuyện hậu thế, cụ Nguyễn Hằng biết trong 6 người con trai sẽ có 3 người đậu đạt làm quan, nên khoảng từ năm 1715 đến 1720, ông đã cho trồng 3 cây Muối (Xoài), Bồ Lỗ (Cây Nóng), cây Rối với mong muốn danh vọng của con sẽ được trường tồn. Quả đúng như tính toán của cụ Nguyễn Hằng, không lâu sau đó 3 người con của cụ là Nguyễn Huệ, Nguyễn Nghiễm (thân sinh cụ Nguyễn Du) và Nguyễn Trọng đã đỗ đạt cao, làm quan to dưới triều đình. Trong đó cụ Nguyễn Nghiễm đã được triều đình nhà Lê phong chức Tể tướng năm 1762, sau khi mất còn được phong "Thượng Đẳng Tôn Thần", Huân Du Đô Hiến Đại

Vương, hàng năm Quốc gia làm tế lễ.

Cũng tương truyền, 3 cây do bàn tay cụ Nguyễn Hằng trồng cứng cáp, lớn nhanh như thổi. Khi đã làm quan lớn trong triều đình, mỗi khi về thăm cha, gặp gỡ bạn bè cùng hầu bàn chuyện thế sự, văn chương, 3 người con của cụ Nguyễn Hằng thường cho những chú ngựa thân thuộc của mình dừng chân dưới 3 cây xanh rợp bóng này để nghỉ ngơi sau chặng đường dài.

Năm 1965, kỉ niệm 200 năm năm sinh Nguyễn Du, Bộ Văn hóa Thông tin và tỉnh Hà Tĩnh đã tiến hành quy hoạch và bảo vệ các di tích còn lại. 3 cây do tay cụ Nguyễn Hằng trồng trở thành những di tích được bảo vệ, chăm sóc nghiêm ngặt. Đáng tiếc, trận bão năm 1982 đã quật đổ mất cây Rối. 2 cây còn lại dù đã trên 300 năm tuổi, nhưng vẫn rợp bóng xanh, hàng năm vẫn đều ra hoa kết trái.

Ngày nay, du khách mỗi lần ghé thăm Khu lưu niệm Đại thi hào Nguyễn Du đều thích thú ngắm, chụp ảnh lưu niệm cùng hai cây xanh cổ thụ này.

Văn Dũng – Tiên Hiệp /
<http://dantri.com.vn>

Nguyễn Du với hoài niệm Thăng Long xưa

Ngày 28-7, tại Hà Nội, Hội Kiều học Việt Nam và Thư viện Quốc gia Việt Nam đã tổ chức Hội thảo khoa học “Đại thi hào Nguyễn Du và kiệt tác Truyện Kiều”. Đây là hoạt động hướng tới kỷ niệm 250 năm ngày sinh Đại thi hào Nguyễn Du (1765-2015). Các nhà nghiên cứu đã trình bày 30 tham luận, tập trung khẳng định lại những giá trị nội dung và hình thức nghệ thuật bất hủ của “Truyện Kiều”. Nhiều tham luận còn đề cập những yếu tố chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của thời đại và các địa phương nhất là Thăng Long-Hà Nội đã có ảnh hưởng đến con người sáng tạo của Nguyễn Du cũng như kiệt tác “Truyện Kiều”.



Không gian trưng bày về cuộc đời và tác phẩm của Nguyễn Du tại Bảo tàng Văn học Việt Nam

Đại thi hào Nguyễn Du quê ở Hà Tĩnh nhưng ông sinh ra, lớn lên và hấp thụ nền văn hiến Thăng Long. Với nhiều biến động lịch sử cuối thời vua Lê-chúa Trịnh cho đến khi qua đời, Nguyễn Du phải phiêu bạt nhiều phương trời khác nhau. Trong tâm tưởng được thể hiện trong thi ca, kinh thành Thăng Long vẫn mãi là niềm đất với những hoài niệm đẹp của Đại thi hào dân tộc Nguyễn Du.

Cha và các anh cùng cha khác mẹ của Nguyễn Du đều làm đại quan triều đình, cho nên từ trong “trứng nước” Nguyễn Du đã có một cuộc sống giàu sang phú quý. Thế rồi, chiến tranh giữa các phe phái liên miên khiến Nguyễn Du phải ẩn cư ở quê vợ Thái Bình và nhiều nơi khác suốt một thời gian dài. Vì thế, theo PGS Trần Thị Bằng Thanh: “Tâm trạng Nguyễn Du nhớ Thăng Long là điều có thể giải thích dễ dàng là nỗi nhớ hoài niệm quá khứ tươi đẹp đã ra đi không bao giờ trở lại”.

Mỗi khi nhớ Thăng Long, Nguyễn Du chỉ gọi bằng cái tên tượng trưng Tràng An, chứ không nhắc đến những con người và sự việc cụ thể. Lần đầu tiên Nguyễn Du nhắc đến cái tên Tràng An là trong bài “Sơn cư mạn hứng” với những câu thơ u buồn:

*“Trường An vạn dặm thẳng về Nam
Có kẻ ẩn cư giữa núi ngàn
Ngày đến cửa im mây kín lối
Xuân về vườn lạnh trúc thưa hàng
Vàng trắng gọi nhớ lòng quê thất
Tiếng nhận khơi buồn ngán lệ loang
Tin tức cố hương thư chẳng đến
Các em giờ biết có bình an”*

(Nguyễn Tam dịch)

Ngay từ bài thơ đầu tiên nhắc đến Tràng An-Thăng Long đã mang ý vị hoài niệm, đất kinh sư như đã là dĩ vãng, trước muôn việc bộn bề. Tiếp trong khoảng thời gian 10 năm gió bụi (1786-1795), Nguyễn Du tiếp tục hoài nhớ Thăng Long xưa, như trong bài thơ “Bát muộn”:

*“Thềm ngọc mười năm bụi cát mờ,
Trăm năm thành phủ nửa tiêu sơ.
Chim sâu nhỏ bé bay cao hết,
Huyết chiến qua rồi sông núi dơ.
Bình lửa quê nhà nghìn dặm lệ,
Thân bằng dưới nền mấy hàng thư.
Cá rồng lặng lẽ đêm thu vắng,
Trăm mối u hoài khó dẹp chưa!”*

(Nguyễn Thạch Giang dịch)

Dù đã đi xa, không liên lạc nhưng Nguyễn Du vẫn nuối tiếc trong hình dung một Thăng Long bị tàn phá hủy hoại, nhân tài tan tác, trời đất nhộp nhợt mà nhà nhà thơ chỉ có thể vương vấn khôn nguôi.

Trong một số bài thơ khác như “Giang đình hữu cảm” và “Ký giang bắc huyền hư tử”, thêm lần nữa, Nguyễn Du khẳng định sự thay đổi đến đau lòng của Thăng Long: “Cận nhật Tràng An đại sĩ phi” (Gần đây Tràng An đã khác hẳn trước rồi).

Mãi đến năm 1813, Nguyễn Du làm chánh sứ đoàn đi sứ nhà Thanh, lần này ông được đặt chân trở lại Thăng Long. Trong bài “Thăng Long II”, Nguyễn Du viết:

*“Thành mới trắng xưa bóng tổ mờ
Thăng Long nghìn trước chốn kinh đô
Dấu xưa khuất lấp đường xe ngựa
Điều mới xô bồ nhịp trúc tơ*

*Danh lợi mới ngon đưa cướp giật
Bạc bằng lớp trước sống lơ thơ
Nỗi chìm thế sự chừng than nữa
Mái tóc mình đây cũng bạc phơ”*
(Quách Tấn dịch)

Tâm trạng Nguyễn Du trong lần trở lại khá phức tạp, có mừng vì được gặp lại người và cảnh trước đây. Một Thăng Long phồn hoa ở thế kỷ XVIII nổi tiếng ngoài khu vực đã không được gìn giữ, bồi đắp cho thịnh vượng đi mà đã trở nên tàn tạ khi kinh đô chuyển về Phú Xuân (Huế). Dinh thự hoa lệ tồn tại bao nhiêu đời người đã bị san bằng, một dải thành không xứng tầm được dựng nên. Là nhân chứng cho thời kỳ thịnh vượng lẫn điều tàn của Thăng Long buổi giao thời, Nguyễn Du còn chứng kiến sự thay đổi đời sống người dân ở đây, nhất là những thân phận người yếu đuối mỏng manh như người con hát họ Nguyễn trong “Long Thành cầm giả ca” nổi tiếng. Điều vĩ đại của Nguyễn Du là ông không nhìn con người khốn khổ dưới con mắt của một vị quan, bề trên mà hòa mình vào nhân quần, cùng cảm thương cho sự mất mát, sự suy vong của Thăng Long với một tư tưởng nhân đạo sâu sắc.

Cũng như Bà Huyện Thanh Quan, Hồ Xuân Hương-những nhà thơ cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX, Nguyễn Du đã có rất nhiều bài thơ và câu thơ hay về Thăng Long. Ngoài những con phố, ngôi trường có tên Nguyễn Du, và không gian trưng bày về cuộc đời và tác phẩm của Nguyễn Du tại Bảo tàng Văn học Việt Nam (275 Âu Cơ, Hà Nội), theo TS Phan Tử Phùng (Hội Kiều học Việt Nam): “Hiện nay, rất nhiều cá nhân và tổ chức đề nghị các cơ quan chức năng TP Hà Nội nên có nơi thờ tự Nguyễn Du ngay tại Hà Nội hôm nay, để nhân dân hiểu được tình cảm của Nguyễn Du với Thăng Long xưa đã trở thành bất tử. Hy vọng ước mong chính đáng này sớm trở thành hiện thực”.

LẠI TRANG-NGUYỄN UYÊN

Báo Quân đội nhân dân, 28/07/2015

Đưa “Truyện Kiều” lên phim, vào công viên



Đề xuất đề “Truyện Kiều” đến gần hơn với công chúng trẻ tại Hội thảo khoa học quốc tế “Đại thi hào dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới Nguyễn Du: Di sản và các giá trị xuyên thời đại,” tổ chức ngày 8.8 tại Hà Nội.

Hội thảo do Viện Hàn lâm Khoa học xã hội VN, UBND tỉnh Hà Tĩnh tổ chức, nằm trong chuỗi hoạt động kỷ niệm 250 năm ngày sinh Đại thi hào Nguyễn Du (1765 - 2015). Các học giả, các nhà nghiên cứu của Việt Nam và nước ngoài như Nga, Nhật, Trung Quốc, Pháp, Đức, CH Czech, Hàn Quốc... gửi gần 130 tham luận tới hội thảo với nội dung chủ yếu liên quan đến “Truyện Kiều” - kiệt tác của đại thi hào Nguyễn Du.

Hội thảo, theo GS-TS Nguyễn Xuân Thắng - Chủ tịch Viện Hàn lâm khoa học xã hội VN, “chính là nơi gặp gỡ của các nhà Kiều học và Nguyễn Du học, nơi thể hiện những tiếng nói đồng cảm, đồng lòng, đồng vọng về những giá trị tinh thần mà Nguyễn Du trao gửi lại cho hậu thế”. Cho đến nay, “Truyện Kiều” đã được dịch ra hơn 20 thứ tiếng khác nhau với hơn 30 bản dịch. “Truyện Kiều” cũng đã được đưa vào âm nhạc, hội họa, sân khấu... Điện ảnh cũng đã có 2 dự án lớn

về “Truyện Kiều”, là cuộc thi viết kịch bản phim của Hội Điện ảnh VN phối hợp với Trung tâm Hỗ trợ phát triển tài năng, cùng một dự án làm phim truyền hình của một tập đoàn công nghệ thông tin, nhưng cả hai đều dang dở. Theo đạo diễn Anh Tuấn (Hội Kiều học VN), “để hiện thực hóa “Truyện Kiều” bằng phim ảnh, nếu không cẩn thận sẽ rơi vào cái bẫy minh họa cho tiểu thuyết của Thanh Tâm Tài Nhân”, nên cần lý giải chân thực và thấu đáo các vấn đề để “giúp bộ phim Kiều - nếu có thể ra đời - ít nhất sẽ không trở thành một phiên bản nghe - nhìn nhợt nhạt...”.

Tại hội thảo, Thạc sĩ Lư Thị Thanh Lê - Khoa Văn học, ĐH Khoa học xã hội và nhân văn, ĐH Quốc gia Hà Nội - đưa ra một ý tưởng độc đáo là xây dựng một công viên giải trí dựa trên “Truyện Kiều”. Trên thế giới đã có khá nhiều công viên giải trí theo chủ đề (theme park) lấy cảm hứng từ một tác giả hay một tác phẩm nghệ thuật nổi tiếng, như công viên - bảo tàng Tây Du Ký, Hồng Lâu Mộng (Trung Quốc) hay Don Quixote (Tây Ban Nha)... Theo Thạc sĩ Lư Thị Thanh Lê, công viên Kiều sẽ là một quần thể vừa trưng bày hiện vật như tư liệu, tranh, tượng về các nhân vật, chi tiết quan trọng của tác phẩm, vừa có các hình thức nghệ thuật biểu diễn, các sinh hoạt văn hóa như âm nhạc, trò chơi dân gian, vịnh Kiều, bói Kiều... giúp khán giả có thể trải nghiệm “Truyện Kiều” sống động bằng nhiều giác quan, chứ không chỉ bằng cách thức truyền thống duy nhất là đọc, nhằm đưa sáng tác của Nguyễn Du đến gần hơn với công chúng trong nước và quốc tế.

Truyện Kiều đã thành nét văn hóa ngoại giao

TTO - Tổng thống Hoa Kỳ Bill Clinton khi sang thăm VN tháng 11-2000 và phó Tổng thống Joe Biden mới đây khi tiếp Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đều lấy Kiều để nói về quá trình bình thường hóa quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ.



Những tác phẩm của Nguyễn Du được trưng bày tại hội thảo - Ảnh: V.V.TUÂN

Nhân dịp kỷ niệm 250 năm ngày sinh Đại thi hào dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới Nguyễn Du, ngày 8-8, tại Hà Nội, Viện hàn lâm Khoa học xã hội VN và UBND tỉnh Hà Tĩnh tổ chức hội thảo quốc tế với chủ đề "Đại thi hào dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới Nguyễn Du: Di sản và các giá trị xuyên thời đại".

Đây là sự kiện nằm trong chuỗi sự kiện lễ kỷ niệm cấp quốc gia 250 năm ngày sinh đại thi hào Nguyễn Du.

BTC cho biết, đã có hơn 100 tham luận của các học giả trong nước và quốc tế gửi đến tham dự hội thảo, tập trung vào hai vấn đề lớn: cuộc đời, di sản của Nguyễn Du, nhìn từ trong và

ngoài quốc gia; Truyện Kiều, những phương thức diễn dịch và chuyển hóa. Trong đó, các tham luận bàn về "Truyện Kiều" chiếm quá nửa tổng số tham luận, nên BTC đã chia ra hai tiểu ban thảo luận theo hai chủ đề song song ở hai hội trường.

Phát biểu khai mạc hội thảo, GS. TS Nguyễn Xuân Thắng, Chủ tịch Viện hàn lâm Khoa học xã hội VN, khẳng định, mặc dù việc dịch thơ ca nói chung và Truyện Kiều nói riêng quả là "thiên nan vạn nan", nhưng Truyện Kiều ngày càng được đến với nhiều độc giả ở nhiều nước trên thế giới.

Ông đưa ra dẫn chứng, thơ Nguyễn Du ngày nay được sử dụng trong ngoại giao như một nét văn hóa, đó là việc cựu Tổng thống Hoa Kỳ Bill Clinton khi sang thăm VN tháng 11-2000 và phó Tổng thống Joe Biden mới đây khi tiếp Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đều lấy Kiều để nói về quá trình bình thường hóa quan hệ giữa hai nước: "Sen tàn cúc lại nở hoa/Sầu dài ngày ngắn, đông đà sang xuân" và "Trời còn để có hôm nay/Tan sương đầu ngõ vén mây giữa trời".

"Thơ Nguyễn Du là đỉnh cao của tiếng nói nhân văn, đồng hành với những thăng trầm của lịch sử và đời sống tinh thần dân tộc VN" - GS. TS Nguyễn Xuân Thắng khẳng định.

V.V.TUÂN-Báo Tuổi trẻ